



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận đầu tư Số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 3300352720 ngày 26 tháng 11 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh cuối cùng là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300352720 ngày 26 tháng 11 năm 2015 và Giấy chứng nhận đầu tư số 31321000019 ngày 1 tháng 6 năm 2009. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp và Giấy chứng nhận đầu tư do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Bùi Nguyên Tiến Chủ tịch
Ông Trần Quang Vinh Thành viên
Ông Trần Anh Hào Thành viên

Ban Giám đốc Ông Bùi Nguyên Tiến Tổng Giám đốc
(tới ngày 20/1/2016)
Bà Trần Thị Kim Chi Tổng Giám đốc
(từ ngày 21/1/2016)
Ông Nguyễn Quốc Tuấn Phó Tổng Giám đốc
(tới ngày 20/1/2016)
Ông Nguyễn Thanh Dũng Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Vinh Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Tuấn Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Quân Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Thám Phó Tổng Giám đốc
(tới ngày 1/11/2015)

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Bài
Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Việt Nam

Chi nhánh Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên
Km 35, Quốc lộ 1, Thị trấn Phú Xuyên
Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-g



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		249.769.188.404	214.803.885.064
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.530.102.986	4.736.685.625
Tiền	111		4.530.102.986	4.736.685.625
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		126.705.720.957	116.883.186.842
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	25.967.044.378	45.992.595.526
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		351.233.100	425.027.631
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	100.387.443.479	70.465.563.685
Hàng tồn kho	140	8	111.699.914.022	81.103.329.818
Hàng tồn kho	141		113.708.070.531	89.074.145.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.008.156.509)	(7.970.815.676)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.833.450.439	12.080.682.779
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		319.618.149	712.383.043
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.513.832.290	7.435.393.529
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13(a)	-	3.932.906.207
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		59.647.218.855	69.759.987.646
Tài sản cố định	220		23.248.064.010	29.105.427.921
Tài sản cố định hữu hình	221	9	23.220.730.678	29.064.427.921
<i>Nguyên giá</i>	222		388.919.264.121	384.076.363.038
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(365.698.533.443)	(355.011.935.117)
Tài sản cố định vô hình	227		27.333.332	41.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		216.000.000	216.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(188.666.668)	(175.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	33.080.920.000	39.154.696.768
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		24.000.000.000	30.950.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253		9.080.920.000	9.430.920.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.226.223.232)
Tài sản dài hạn khác	260		3.318.234.845	1.499.862.957
Chi phí trả trước dài hạn	261		44.583.336	445.210.085
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	3.273.651.509	1.054.652.872
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		309.416.407.259	284.563.872.710

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		193.593.194.689	207.410.527.624
Nợ ngắn hạn	310		187.157.550.656	191.614.883.591
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	49.910.902.564	37.291.520.633
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.686.876.850	765.911.919
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(b)	3.652.064.648	508.690.573
Phải trả người lao động	314		15.417.116.011	18.738.851.937
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	19.470.134.795	10.710.334.468
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	17.450.473.755	23.151.343.561
Vay ngắn hạn	320	16(a)	70.497.368.431	93.361.782.682
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.072.613.602	7.086.447.818
Nợ dài hạn	330		6.435.644.033	15.795.644.033
Vay dài hạn	338	16(b)	6.435.644.033	15.795.644.033
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		115.823.212.570	77.153.345.086
Vốn chủ sở hữu	410	18	115.823.212.570	77.153.345.086
Vốn cổ phần	411	19	50.000.000.000	14.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	14.100.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	18	289.000.000	300.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	18	9.172.016.627	45.072.016.627
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	13.322.080.135	13.322.080.135
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		43.040.115.808	4.359.248.324
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.040.115.808	4.359.248.324
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		309.416.407.259	284.563.872.710

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
 Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	738.478.374.130	797.450.882.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	2.521.641.559
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	738.478.374.130	794.929.241.122
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	24	647.763.990.954	724.893.738.825
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		90.714.383.176	70.035.502.297
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	20.260.911.478	8.010.702.325
Chi phí tài chính	22	26	5.685.295.474	5.989.320.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.346.714.112	3.509.490.721
Chi phí bán hàng	25	27	32.785.704.199	36.226.830.238
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.170.750.254	16.658.084.749
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.333.544.727	19.171.969.490
Thu nhập khác	31		3.557.360.250	3.641.645.201
Chi phí khác	32		3.068.058.949	3.483.265.064
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		489.301.301	158.380.137
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.822.846.028	19.330.349.627
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	12.001.728.857	2.615.723.543
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(2.218.998.637)	1.075.377.760
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.040.115.808	15.639.248.324

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	52.822.846.028	19.330.349.627
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.700.264.994	13.196.086.916
Các khoản dự phòng	03	(7.188.882.399)	7.970.815.676
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	166.510.958	86.170.044
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(17.805.417.528)	(6.794.565.275)
Chi phí lãi vay	06	2.346.714.112	3.509.490.721
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.042.036.165	37.298.347.709
Biến động các khoản phải thu	09	(9.817.984.702)	(3.654.853.234)
Biến động hàng tồn kho	10	(24.633.925.037)	16.692.601.440
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	30.126.276.017	2.157.161.894
Biến động chi phí trả trước	12	793.391.643	(782.266.961)
		37.509.794.086	51.710.990.848
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.363.450.339)	(3.514.141.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.688.000.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.145.975.454)	(2.332.229.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25.312.368.293	45.864.619.859
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.725.242.283)	(12.978.433.681)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	9.836.263.601	4.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	16.269.153.927	6.873.866.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	20.380.175.245	(2.104.567.363)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	531.238.243.643	582.251.371.154
Tiền trả nợ gốc vay	34	(563.629.166.105)	(608.585.682.641)
Tiền trả cổ tức	36	(13.507.107.086)	(15.510.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(45.898.029.548)	(41.844.311.487)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(205.486.010)	1.915.741.009
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60 5	4.736.685.625	2.821.665.948
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.096.629)	(721.332)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 5	4.530.102.986	4.736.685.625

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài và Chi nhánh Nhà máy Sợi Phú Xuyên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 709 nhân viên (1/1/2015: 755 nhân viên).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công và bán các sản phẩm may mặc và sản phẩm dệt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 6 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(k) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	45.030.527	78.624.181
Tiền gửi ngân hàng	4.485.072.459	4.658.061.444
	4.530.102.986	4.736.685.625

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Yu Jin Apparel Co., Ltd.	4.132.563.610	-
Mundifios Comercio De Fios, S.A.	4.019.443.510	7.278.712.817
Jinjiang Hengfeng Impprt and Export Trading Co., Ltd.	3.524.022.747	-
Toyoshima & Co., Ltd.	3.515.050.894	9.534.576.953
Các khách hàng khác	10.775.963.617	29.179.305.756
	25.967.044.378	45.992.595.526

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2	251.797.594	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu người lao động	243.832.146	194.259.540
Ký cược, ký quỹ (*)	97.234.000.000	67.334.000.000
Phải thu từ cho mượn hàng tồn kho	906.001.623	1.691.974.958
Phải thu khác	2.003.609.710	1.245.329.187
	100.387.443.479	70.465.563.685

(*) Ký quỹ, ký cược bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho việc mở thư tín dụng của Công ty và được hưởng lãi suất năm từ 5% đến 7%. Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”)	18.900.000.000	13.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”)	10.600.000.000	13.400.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (“Maritime Bank”)	4.000.000.000	3.000.000.000
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	17.700.000.000	12.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”)	29.034.000.000	19.934.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB Bank”)	13.000.000.000	3.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	2.000.000.000	2.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (“PVComBank”)	2.000.000.000	-
	97.234.000.000	67.334.000.000

Trong các khoản ký quỹ, ký cược tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có một số khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 15 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2014: 12 tỷ VND) (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Hàng mua					
đang đi đường	40.982.799.660	-	30.960.912.500	-	
Nguyên vật liệu	37.067.952.966	(647.394.977)	28.068.557.952	(5.430.179.923)	
Công cụ và dụng cụ	14.422.727	-	2.010.000	-	
Chi phí sản xuất					
kinh doanh dở dang	9.508.612.939	(135.162.804)	9.763.714.278	(677.336.669)	
Thành phẩm	17.512.479.448	(1.225.598.728)	20.256.853.700	(1.863.299.084)	
Hàng hóa	51.850.943	-	22.097.064	-	
Hàng gửi đi bán	8.569.951.848	-	-	-	
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	
	113.708.070.531	(2.008.156.509)	89.074.145.494	(7.970.815.676)	<hr/>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 36.611 triệu VND hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (1/1/2015: 72.921 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	44.278.546.703	324.532.265.863	15.053.086.580	212.463.892	384.076.363.038
Tăng trong năm	-	4.842.901.083	-	-	4.842.901.083
Số dư cuối năm	44.278.546.703	329.375.166.946	15.053.086.580	212.463.892	388.919.264.121
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	40.153.404.371	303.527.516.987	11.118.549.867	212.463.892	355.011.935.117
Khấu hao trong năm	167.802.400	8.791.294.458	1.727.501.468	-	10.686.598.326
Số dư cuối năm	40.321.206.771	312.318.811.445	12.846.051.335	212.463.892	365.698.533.443
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	4.125.142.332	21.004.748.876	3.934.536.713	-	29.064.427.921
Số dư cuối năm	3.957.339.932	17.056.355.501	2.207.035.245	-	23.220.730.678

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 271.409 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 268.137 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.552 triệu VND (1/1/2015: 7.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2	2.400.000	48%	-	24.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 3	-	-	-	6.950.000.000
				30.950.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác				
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam (i)	561.228	15,81%	-	4.430.920.000
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt (i)	226.000	10,00%	-	1.900.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Chọn TP Hồ Chí Minh	-	-	-	1.350.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai (i)	204.408	5,43%	-	1.750.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sợi Đồng Phú	107.500	3,84%	-	1.000.000.000
				9.080.920.000
				40.380.920.000
				(1.226.223.232)
				(1.226.223.232)

(i) Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam, Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt và Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Công ty ghi tăng số lượng cổ phiếu do Công ty nắm giữ tại các đơn vị nhận đầu tư này.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với:		
▪ Chi phí phải trả và các khoản khác	3.273.651.509	1.054.652.872

12. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn:**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Devcot S.A	11.706.315.463	-
Plexus Cotton Limited	10.599.344.615	311.709.710
Paul Reinhart Inc	7.028.562.999	-
P&K Enterprise Co., Ltd.	6.964.860.000	-
Toyoshima (USA) Inc	-	13.037.169.929
Indorama Polyester Industries Public Company Limited	-	7.509.307.046
Công ty Cổ phần Sợi Phú Thạnh	-	3.807.098.092
Các nhà cung cấp khác	13.611.819.487	12.626.235.856
	49.910.902.564	37.291.520.633

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2015	Số phải thu	Số đã bù trừ	31/12/2015
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.886.386.750	-	(2.886.386.750)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.046.519.457	-	(1.046.519.457)	-
	3.932.906.207	-	(3.932.906.207)	-

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	264.614.325	32.064.164.681	(32.098.977.205)	229.801.801
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.001.728.857	(8.734.519.457)	3.267.209.400
Thuế thu nhập cá nhân	244.076.248	662.097.785	(751.120.586)	155.053.447
	508.690.573	44.727.991.323	(41.584.617.248)	3.652.064.648

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Lãi vay phải trả	9.877.850	26.614.077
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	17.171.881.691	8.275.816.568
Chi phí khác	2.288.375.254	2.407.903.823
	19.470.134.795	10.710.334.468

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Cổ tức phải trả	-	11.280.000.000
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	15.475.071.681	9.155.956.490
Các khoản phải trả khác	1.975.402.074	2.715.387.071
	17.450.473.755	23.151.343.561

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	84.001.782.682	531.238.243.643	(554.269.166.105)	166.508.211	61.137.368.431	
Vay dài hạn đến hạn trả	9.360.000.000	9.360.000.000	(9.360.000.000)	-	9.360.000.000	
	93.361.782.682	540.598.243.643	(563.629.166.105)	166.508.211	70.497.368.431	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản vay từ Vietinbank	USD	1,5%	45.080.000	30.877.079.810
Các khoản vay từ MB Bank	USD	1,3%	14.959.454.265	22.311.517.193
Các khoản vay từ BIDV	USD	1,4%	22.282.697.560	21.320.635.009
Các khoản vay từ ANZ	USD	1,8%	-	5.786.360.168
Khoản vay từ Eximbank	USD	2%	-	3.706.190.502
Các khoản vay từ Vietcombank	USD	1,5%	11.956.865.026	-
Các khoản vay từ Techcombank	USD	1,5%	11.893.271.580	-
			61.137.368.431	84.001.782.682

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay từ MB Bank được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 5 tỷ VND (1/1/2015: 2 tỷ VND).

Các khoản vay từ BIDV được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 5 tỷ VND (1/1/2015: 5 tỷ VND).

Khoản vay từ Eximbank được bảo đảm bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 5 tỷ VND (1/1/2015: 5 tỷ VND).

Các khoản vay từ ngân hàng Vietinbank và Vietcombank không được bảo đảm.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	15.795.644.033	25.155.644.033
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(9.360.000.000)	(9.360.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	6.435.644.033	15.795.644.033

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay ngân hàng (*)	VND	3% - 7,8%	2017	15.795.644.033	25.155.644.033

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng được bảo đảm bằng các tài sản cố định có giá trị còn lại là 7.657 triệu VND (1/1/2015: 15.315 triệu VND) (Thuyết minh 9).

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	7.086.447.818	6.238.529.415
Trích lập trong năm	2.132.141.238	3.180.147.403
Sử dụng trong năm	(2.145.975.454)	(2.332.229.000)
Số dư cuối năm	7.072.613.602	7.086.447.818

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	14.100.000.000	300.000.000	45.072.016.627	11.077.571.890	2.244.508.245	18.690.147.403	91.484.244.165
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	15.639.248.324	15.639.248.324
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(26.790.000.000)	(26.790.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.180.147.403)	(3.180.147.403)
Số dư tại ngày 1/1/2015 - như báo cáo trước đây	14.100.000.000	300.000.000	45.072.016.627	11.077.571.890	2.244.508.245	4.359.248.324	77.153.345.086
Phân loại lại (Thuyết minh 33)	-	-	-	2.244.508.245	(2.244.508.245)	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã phân loại lại	14.100.000.000	300.000.000	45.072.016.627	13.322.080.135	-	4.359.248.324	77.153.345.086
Phát hành cổ phiếu	35.900.000.000	(11.000.000)	(35.900.000.000)	-	-	-	(11.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	43.040.115.808	43.040.115.808
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.132.141.238)	(2.132.141.238)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(2.227.107.086)	(2.227.107.086)
Số dư tại ngày 31/12/2015	50.000.000.000	289.000.000	9.172.016.627	13.322.080.135	-	43.040.115.808	115.823.212.570

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	5.000.000	50.000.000.000	1.410.000	14.100.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	1.410.000	14.100.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	50.000.000.000	1.410.000	14.100.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	1.410.000	14.100.000.000	1.410.000	14.100.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	3.590.000	35.900.000.000	-	-
Số dư cuối năm	5.000.000	50.000.000.000	1.410.000	14.100.000.000

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 2.227 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 26 tháng 5 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 15.500 triệu VND (11.000 VND/một cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 và cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 13 tháng 12 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 11.300 triệu VND (8.000 VND/một cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	8.854.052.582	8.321.953.904
Trong vòng hai đến năm năm	34.216.210.328	33.287.815.617
Sau năm năm	22.621.577.460	27.216.844.428
	65.691.840.370	68.826.613.949

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	157.295	3.519.464.519	35.046	747.050.213

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	733.555.416.078	791.057.968.445
▪ Cung cấp dịch vụ	4.922.958.052	6.392.914.236
	738.478.374.130	797.450.882.681
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(2.521.641.559)
Doanh thu thuần	738.478.374.130	794.929.241.122

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	2015 VND	2014 VND
Thành phẩm đã bán	605.255.246.100	677.876.673.601
Hàng hoá đã bán	26.473.462.903	24.551.168.121
Nguyên vật liệu đã bán	21.629.194.234	13.945.143.450
Dịch vụ đã cung ứng	368.746.884	549.937.977
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.962.659.167)	7.970.815.676
	<hr/>	<hr/>
	647.763.990.954	724.893.738.825

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	4.301.564.287	4.567.458.189
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.536.263.601	-
Cổ tức được chia	11.967.589.640	2.227.107.086
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.455.493.950	1.216.137.050
	<hr/>	<hr/>
	20.260.911.478	8.010.702.325

26. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	2.346.714.112	3.509.490.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.398.293.636	2.393.659.380
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	166.510.958	86.170.044
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.226.223.232)	-
	<hr/>	<hr/>
	5.685.295.474	5.989.320.145

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí bán hàng**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí bao bì đóng gói	6.612.615.993	6.291.464.337
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	25.983.011.243	29.895.276.271
Chi phí bán hàng khác	190.076.963	40.089.630
	<hr/>	<hr/>
	32.785.704.199	36.226.830.238

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	10.248.078.890	5.865.792.941
Chi phí khấu hao	906.462.488	1.037.808.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.491.883.361	3.829.382.848
Chi phí quản lý khác	6.524.325.515	5.925.100.098
	<hr/>	<hr/>
	20.170.750.254	16.658.084.749

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	482.596.077.292	539.676.823.337
Chi phí nhân viên	94.776.888.084	79.025.097.647
Chi phí khấu hao	10.700.264.994	13.196.086.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.565.221.105	94.820.336.568
Chi phí khác	18.074.931.387	19.059.780.947
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.261.042.931	2.615.723.543
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.740.685.926	-
	<hr/> 12.001.728.857	<hr/> 2.615.723.543
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
(Hoàn nhập)/ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.218.998.637)	1.075.377.760
	<hr/> 9.782.730.220	<hr/> 3.691.101.303

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.822.846.028	19.330.349.627
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.621.026.126	2.899.552.444
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	-	210.700.626
Chi phí không được khấu trừ thuế	431.228.335	169.463.565
Thu nhập không bị tính thuế	(2.632.869.721)	(334.066.063)
Ảnh hưởng của chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(1.377.340.446)	745.450.731
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.740.685.926	-
	<hr/> 9.782.730.220	<hr/> 3.691.101.303

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ 2003 đến 2014) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2004 đến 2006) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2007 đến 2013).

Tất cả các ưu đãi giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thu nhập thông thường là 22% trong năm 2014 và 2015, và mức thuế suất này sẽ giảm xuống còn 20% kể từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Các cổ đông		
<i>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</i>		
Công bố cổ tức	1.199.194.000	6.073.760.000
Trả cổ tức bằng tiền	7.272.954.000	8.351.420.000
<i>Công ty Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh</i>		
Công bố cổ tức	197.439.000	1.000.000.000
Trả cổ tức bằng tiền	1.197.439.000	1.375.000.000
<i>Công ty Cổ phần Dệt may Huế</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.870.035.738	-
Bán hàng hóa	20.139.822	-
Công bố cổ tức	98.719.000	500.000.000
Trả cổ tức bằng tiền	598.719.000	687.500.000
<i>Công ty Cổ phần Bông Việt Nam</i>		
Công bố cổ tức	394.877.000	2.000.000.000
Trả cổ tức bằng tiền	2.394.877.000	2.750.000.000
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.514.899.756	47.228.185
Bán hàng hóa	2.452.409.364	843.202.314
<i>Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.594.010.060	7.871.837.571
Bán hàng hóa	1.151.883.214	1.716.828.913
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.833.784.281	3.886.961.470
Thành viên Hội đồng Thành viên		
Tiền lương và thưởng	360.000.000	427.777.777

32. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015 VND	2014 VND
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn khác	35.900.000.000	-

33. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	70.465.563.685	2.937.304.145
Tài sản ngắn hạn khác	-	67.528.259.540
Quỹ đầu tư phát triển	13.322.080.135	11.077.571.890
Quỹ dự phòng tài chính	-	2.244.508.245

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Hoàng Thái Trúc
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Kim Chi
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC